

1. Giá trị trao đổi là biểu hiện của giá trị hàng hóa

SAI. Vì giá trị trao đổi là hình thức biểu hiện bên ngoài của giá trị hàng hóa

2. Tất cả các loại lao động đều có tính hai mặt là lao động cụ thể và lao động trừu tượng

SAI. Chỉ có lao động của người sản xuất hàng hóa mới có tính chất hai mặt là lao động cụ thể và lao động trừu tượng

3. Sự biến động của giá trị hàng hóa trên thị trường là do tác động của quan hệ cung cầu.

SAI. Giá trị là cơ sở của giá cả, giá trị quyết định giá cả hàng hóa và giá cả chịu tác động của cung cầu nên nó lên xuống, vận động xung quanh giá trị hàng hóa

Vì quan hệ cung cầu chỉ ảnh hưởng đến giá cả, giá trị chỉ phụ thuộc vào hao phí lao động xã hội cần thiết.

4. CNTB là nền sản xuất hàng hóa phát triển cao do đó quy luật giá trị và quy luật cung cầu có vai trò quyết định sự vận động, phát triển của chủ nghĩa tư bản.

SAI. Quy luật giá trị và quy luật cung cầu chỉ là quy luật kinh tế cho nền kinh tế sản xuất hàng hóa.

Để quyết định sự vận động, phát triển của CNTB cần rất nhiều quy luật: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng...

5. Giá trị của lao động được tính bằng tư liệu tiêu dùng cần thiết để tái sản xuất sức lao động.

SAI. Giá trị của sức lao động được tính bằng tư liệu tiêu dùng cần thiết để tái sản xuất sức lđ

6. Giá cả hàng hóa là biểu hiện của số lượng lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hh đó.

SAI. Bởi vì giá cả hàng hóa là biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa, mà giá trị được thể hiện bằng sức lao động, hao phí lao động xã hội. Nói cách khác, giá cả là biểu hiện của sức lao động xã hội đã hao phí để sản xuất hàng hóa đó.

7. Khi năng suất lao động và cường độ lao động đều giảm thì giá trị của đơn vị hh cũng giảm.

SAI. Khi năng suất lao động giảm thì thời gian lao động xã hội cần thiết tăng -> giá trị của đơn vị hàng hóa tăng

Khi cường độ lao động giảm thì lượng lao động hao phí trong cùng một thời gian giảm -> giá trị của đơn vị hàng hóa không đổi

8. Tiền ký hiệu giá trị nếu chưa sử dụng đến (tiền tiết kiệm) là tiền được rút khỏi lưu thông để cất trữ.

SAI. Tiền làm phương tiện cất trữ là tiền phải đủ giá trị (tiền vàng, tiền bạc). Tiền ký hiệu giá trị không thể làm phương tiện cất trữ vì nó không đủ thước đo nội tại, do đó để một thời gian dài thì nó sẽ bị mất giá

9. Quy luật giá trị là quy luật kinh tế tác động trong cả sản xuất hàng hóa giản đơn và sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa.

ĐÚNG. Quy luật giá trị là quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất hàng hoá. Ở đâu có sản xuất và trao đổi hàng hoá thì ở đó có sự hoạt động của quy luật giá trị.

10. Trong lưu thông, trao đổi không ngang giá cũng không làm thay đổi tổng số giá trị của hàng hóa và phần giá trị của mỗi bên trao đổi SAI.

11. Trong sản xuất hàng hóa, hao phí thời gian lao động của người sản xuất ra hàng hóa càng lớn hơn thời gian lao động xã hội cần thiết thì giá trị của nó càng lớn.

SAI. Bởi vì giá trị của hàng hóa phụ thuộc vào thời gian lao động xã hội cần thiết chứ không phải thời gian lao động cá biệt của người sản xuất hàng hóa.

(Giá trị trao đổi là hình thức biểu hiện bên ngoài của giá trị, còn giá trị là cơ sở nội dung bên trong của giá trị trao đổi.)

12. Nếu không có tiền thì hàng hóa không thể trao đổi với nhau

SAI. Người ta trao đổi hàng hóa cho nhau thực chất là người ta trao đổi hao phí lao động ẩn giấu bên trong hàng hóa đó. Trên thực tế, nếu không có tiền thì hàng hóa vẫn có thể trao đổi với nhau, người ta trao đổi theo hình thức hàng đổi hàng, có nghĩa là người ta trao đổi lao động của mình ẩn giấu bên trong hàng hóa đó.

13. Mọi lao động đều là lao động cụ thể nhưng không phải lao động nào cũng là lao động trừu tượng.

ĐÚNG. Mọi lao động đều là lao động cụ thể, lao động cụ thể tạo ra giá trị sử dụng của hàng hóa, bất cứ lao động nào cũng tạo ra giá trị sử dụng.

Nhưng không phải lao động nào cũng là lao động trừu tượng vì lao động trừu tượng tạo ra giá trị của hàng hóa. Chỉ có lao động của người sản xuất hàng hóa mới có lao động trừu tượng.

14. Bất kỳ tiền tệ nào thì giá trị của chúng cũng được xác định bằng hao phí lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra chúng.

SAI. Tiền giấy chỉ là ký hiệu giá trị, bản thân chúng không có giá trị thực. Vàng, bạc được xác định bằng thời gian hao phí xã hội cần thiết vì chúng ta cần khai thác và chế tác vàng, bạc. Còn tiền giấy thì không được xác định bằng thời gian hao phí xã hội cần thiết cho nên tiền giấy không có giá trị

15. Mọi sản phẩm có giá trị sử dụng do đó đều có giá trị trao đổi

SAI. Vì giá trị trao đổi là biểu hiện bên ngoài của giá trị, nhưng chỉ có hàng hoá mới có đủ giá trị và giá trị sử dụng, tức sản xuất ra để trao đổi buôn bán, còn 1 số sản phẩm không phải là hàng hoá thì sẽ không có giá trị trao đổi

16. Bằng cách tăng thời gian lao động, người sản xuất hh sẽ làm tăng được tổng giá trị hh

ĐÚNG. Vì tăng thời gian lao động tức là tăng cường độ lao động sẽ làm cho số lượng sản phẩm tăng lên, giá trị của 1 đơn vị sản phẩm không đổi -> tổng giá trị hàng hóa trong một đơn vị thời gian tăng lên.

17. Với các điều kiện khác không đổi thì khi tổng giá cả hàng hóa bán chịu tăng lên và tổng giá cả hàng hóa đến kỳ thanh toán giảm xuống cùng một lượng ngang nhau thì khối lượng tỉ lệ cần thiết cho lưu thông giảm

ĐÚNG. Tổng số tỉ lệ cần thiết cho lưu thông = (Tổng số giá cả hh - Tổng số giá cả hh bán chịu - tổng số giá cả hh khấu trừ cho nhau + Tổng số giá cả hh bán chịu đến kỳ thanh toán) / Số vòng lưu thông của đơn vị tỉ lệ

18. Cơ chế tác động của quy luật giá trị là thông qua sự vận động tự bản hàng hóa và tự bản tỉ lệ

SAI. Quy luật giá trị hoạt động và phát huy tác dụng thông qua sự vận động của giá cả xung quanh giá trị dưới sự tác động của quan hệ cung - cầu. Giá cả thị trường lên xuống xoay quanh giá trị hàng hóa trở thành cơ chế tác động của quy luật giá trị.

(Cơ chế tác động của quy luật giá trị là thông qua sự vận động của giá cả trên thị trường, giá cả do giá trị quyết định, nhưng giá chịu sự tác động của quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh.)

19. Trong tất cả các hình thái giá trị thì vật ngang giá đầu tiên là tỉ lệ

SAI. Trong tất cả hình thái giá trị thì chỉ đến hình thái tỉ lệ thì vật ngang giá mới là tỉ lệ. Còn các hình thái giản đơn hay hình thái ngẫu nhiên hay hình thái chung hay hình thái mở rộng thì phần đa vật ngang giá đầu là hàng

20. Giá cả của hàng hóa do quan hệ cung cầu của thị trường về hàng hóa đó quyết định

SAI. Giá cả hàng hóa trước hết do giá trị hàng hóa quyết định nhưng nó còn chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố như: quan hệ cung cầu, tình trạng đầu cơ, giá trị của đồng tiền...do đó, giá cả sẽ vận động lên xuống xoay quanh giá trị.

21. Giá trị sử dụng của hàng hóa được biểu hiện trong lĩnh vực sản xuất và trao đổi hàng hóa.

SAI. Giá trị sử dụng của hàng hóa chỉ thể hiện khi con người sử dụng hay tiêu dùng hàng hóa

22. Thực chất của quan hệ trao đổi hàng hóa là: Hai lượng hàng hóa bằng nhau

SAI. Thực chất của quan hệ trao đổi hàng hóa là: Trao đổi hai giá trị sử dụng khác nhau với hai lượng giá trị hàng hóa bằng nhau.

23. Lượng giá trị hàng hoá bằng: Lao động cụ thể + lao động trừu tượng

SAI. Lượng giá trị hàng hoá bằng giá trị cũ + giá trị mới. Giá trị cũ là giá trị của tư liệu sản xuất. Giá trị mới là giá trị của sức lao động + giá trị thặng dư

24. Mục đích cuối cùng của người sản xuất hàng hóa là giá trị sử dụng

SAI. Mục đích cuối cùng của người sản xuất hàng hóa là giá trị, giá trị tăng thêm, lợi nhuận

25. Giá cả của hàng hóa là: Sự thỏa thuận giữa người mua và người bán

SAI. Giá cả hàng hóa trước hết do giá trị hàng hóa quyết định nhưng nó còn chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố như: quan hệ cung cầu, tình trạng đầu cơ, giá trị của đồng tiền...do đó, giá cả sẽ vận động lên xuống xoay quanh giá trị.

Giá cả hàng hóa là biểu hiện bằng tiền của giá trị.

26. Vật ngang giá chỉ xuất hiện khi hình thái tiền tệ ra đời

SAI. Trước khi hình thái tiền tệ ra đời, vật ngang giá có thể là vàng, bạc, hàng hóa bất kỳ...

27. Trong lưu thông, nếu hàng hóa được trao đổi không ngang giá thì cũng không tạo ra giá trị và giá trị thặng dư.

ĐÚNG. Trong lưu thông, trao đổi ngang giá & không ngang giá đều không tạo ra giá trị thặng dư

28. Điểm giống nhau giữa tăng năng suất lao động và tăng cường độ lao động là: Giá trị 1 đơn vị hàng hóa không đổi

SAI. Tăng năng suất lao động làm giảm lượng giá trị trong một đơn vị hàng hóa, tăng cường độ lao động thì giá trị của một hàng hóa không đổi. Điểm giống nhau giữa tăng năng suất lao động và tăng cường độ lao động là đều tăng số lượng sản phẩm

29. Bộ phận biểu hiện của giá trị hàng hóa là Tiền lời thu được do bán hàng hóa cao hơn giá trị

SAI. Bộ phận biểu hiện của giá trị hàng hóa là giá cả hàng hóa. Giá cả là biểu hiện bằng tiền của giá trị

30. Khi đồng thời tăng năng suất lao động và cường độ lao động lên 2 lần thì: Giá trị của một hàng hóa giảm 2 lần, tổng số giá trị hàng hóa tăng lên 2 lần

ĐÚNG. Khi năng suất lao động tăng lên 2 lần thì giá trị của một đơn vị hàng hóa giảm 2 lần. Khi cường độ lao động lên 2 lần thì tổng số giá trị hàng hóa tăng lên 2 lần.

31. Quan hệ cung cầu của hàng hóa có ảnh hưởng đến giá cả và giá trị của hàng hóa.

SAI. Quan hệ cung cầu của hàng hóa chỉ ảnh hưởng đến giá cả của hàng hóa không ảnh hưởng đến giá trị hàng hóa, giá trị của hàng hóa chỉ phụ thuộc vào hao phí lao động để sản xuất ra hàng hóa

32. Lưu thông hàng hóa dựa trên nguyên tắc ngang giá nghĩa là Giá cả của từng hàng hóa luôn bằng giá trị của nó Sai.

33. Mọi sản phẩm đầu là kết quả của lao động trừu tượng

SAI. Chỉ có lao động của người sản xuất hàng hóa mới có lao động trừu tượng, vì lao động trừu tượng tạo ra giá trị hàng hóa

34. Mâu thuẫn cơ bản của sản xuất hàng hóa giản đơn là: Giữa lao động giản đơn và lao động phức tạp.

Sai. Lẽ 4 nhân và lẽ 4x

35. Sản xuất hàng hóa là kiểu tổ chức kinh tế tiền tại vĩnh viễn trong tất cả các giai đoạn lịch sử của xã hội

SAI. Sản xuất hàng hóa là phạm trù lịch sử chỉ ra đời khi có đủ 2 điều kiện: sự phân công lao động xã hội và sự tách biệt tương đối về mặt kinh tế của các chủ thể sản xuất.

36. Giá cả là phạm trù kinh tế ra đời cùng với sự xuất hiện của sản xuất và trao đổi hàng hóa.

37. Giá trị trao đổi và giá cả đều là các hình thức biểu hiện của giá trị hàng hóa.

ĐÚNG. Giá trị trao đổi là hình thức biểu hiện bên ngoài của giá trị hàng hóa. Còn giá cả là biểu hiện bằng tiền của giá trị.

38. Bằng cách kéo dài thêm thời gian lao động trong ngày, người sản xuất sẽ giảm được giá trị của một đơn vị hàng hóa

SAI. Kéo dài thêm thời gian lao động tức là tăng cường độ lao động, làm cho số sản phẩm tăng lên và giá trị của một đơn vị hàng hóa ko đổi

39. Giá trị trao đổi của hàng hóa là số tiền mua, bán hàng hóa đó trên thị trường

SAI. Giá trị trao đổi của hàng hóa là quan hệ về lượng, là tỷ lệ về số lượng các loại hàng hóa trao đổi với nhau.

40. Khi các điều kiện khác không đổi, sự tăng lên hay giảm xuống của cường độ lao động không tác động đến giá trị của một đơn vị hàng hóa.

ĐÚNG. Khi cường độ lao động tăng lên tức là kéo dài thời gian lao động -> số lượng sản phẩm tăng lên, giá trị 1 đơn vị hàng hóa không đổi.

Khi cường độ lao động giảm xuống tức là rút ngắn thời gian lao động -> số lượng sản phẩm giảm xuống, giá trị 1 đơn vị hàng hóa không đổi.

Do đó, sự tăng lên hay giảm xuống của cường độ lao động không tác động đến giá trị của một đơn vị hàng hóa.

41. Tiền đủ giá trị và tiền ký hiệu giá trị (tiền giấy) đều thực hiện được chức năng lưu thông trong phạm vi một quốc gia.

ĐÚNG. Tiền đủ giá trị thì thực hiện được tất cả các chức năng của tiền (thước đo giá trị, phương tiện lưu thông, phương tiện cất trữ, phương tiện thanh toán, tiền tệ thế giới). Còn tiền tiền ký hiệu giá trị (tiền giấy) chỉ thực hiện được chức năng lưu thông và thanh toán trong phạm vi một quốc gia. Do đó trên thực tế, tiền đủ giá trị và tiền ký hiệu giá trị (tiền giấy) đều thực hiện được chức năng lưu thông trong phạm vi một quốc gia.

42. Khi tổng giá cả hàng hóa bán chịu tăng lên một lượng bằng với số lượng tổng giá cả hàng hóa đến kỳ thanh toán giảm xuống thì khối lượng tiền cần thiết cho lưu thông không đổi.

ĐÚNG. Tổng số tiền cần thiết cho lưu thông = (Tổng số giá cả hh - Tổng số giá cả hh bán chịu - tổng số giá cả hh khấu trừ cho nhau + Tổng số giá cả hh bán chịu đến kỳ thanh toán) / Số vòng lưu thông của đơn vị tiền tệ

43. Năng suất lao động tăng lên hay giảm xuống đều làm thay đổi cả lượng giá trị của một đơn vị hàng hóa và tổng số giá trị hàng hóa tạo ra trong một đơn vị thời gian.

SAI. Tăng năng suất lao động là kéo dài thời gian lao động -> lượng giá trị 1 đơn vị hàng hóa giảm, tổng số giá trị hàng hóa tạo ra trong 1 đơn vị thời gian không đổi.

44. Giá trị của hàng hóa do thời gian lao động xã hội cần thiết và quan hệ cung cầu của hàng hóa đó quyết định.

SAI. Giá trị hàng hóa được quyết định bởi hao phí lao động xã hội cần thiết để tạo ra sản phẩm. Quan hệ cung cầu không có ảnh hưởng gì đến giá trị hàng hóa.

45. Đất đai nếu không kể đến chi phí lao động để khai phá, cải tạo thì chúng không có giá trị mà chỉ có giá cả

ĐÚNG. Vì đất đai trong tự nhiên không phải là sản phẩm do lao động tạo ra nên chúng không có giá trị. Tuy nhiên nó vẫn được trao đổi, mua bán. Giá cả của đất đai không do lao động quyết định mà do sự khan hiếm của đất đai trong một thời gian nào đó quyết định

46. Mục đích của lưu thông hàng hóa trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa không phải là giá trị thặng dư.

ĐÚNG. Lưu thông hàng hóa trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa vận động theo công thức H-T-H nên mục đích vận động của nó là giá trị sử dụng

47. Giá cả của hàng hóa do giá trị hàng hóa quyết định còn giá trị trao đổi do giá trị sử dụng của hàng hóa quyết định.

SAI. Giá cả và giá trị trao đổi đều là hình thức biểu hiện của giá trị hàng hóa. Giá cả là biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa, giá trị trao đổi là biểu hiện bên ngoài của giá trị. Do đó giá cả và giá trị trao đổi đều do giá trị quyết định

48. Trong sản xuất hàng hóa, lượng giá trị của một đơn vị hàng hóa phụ thuộc vào cả năng suất lao động và cường độ lao động.

SAI. Trong sản xuất hàng hóa, lượng giá trị của một đơn vị hàng hóa chỉ phụ thuộc vào năng suất lao động, còn cường độ lao động chỉ ảnh hưởng đến tổng số giá trị hàng hóa.

49. Khi năng suất lao động tăng và thời gian lao động giảm thì giá trị của một đơn vị hàng hóa không đổi nếu các nhân tố khác không đổi.

SAI. Khi năng suất lao động tăng thì giá trị của một đơn vị hàng hóa giảm.

Khi thời gian lao động giảm tức là cường độ lao động giảm thì giá trị một đơn vị hàng hóa không đổi

Do đó, khi năng suất lao động tăng và thời gian lao động giảm thì giá trị của một đơn vị hàng hóa giảm.

50. Khi năng suất lao động và thời gian lao động đều tăng thì giá trị của tổng số hàng hóa sản xuất ra trong một thời gian sẽ tăng khi các điều kiện khác không đổi.

ĐÚNG. Tăng năng suất lao động -> giá trị của tổng số hàng hóa sản xuất ra trong một thời gian không đổi. Còn tăng thời gian lao động

ĐỀ THI I

1. Trong sản xuất hàng hóa, hao phí lao động của người sản xuất ra hàng hóa càng lớn hơn hao phí lao động xã hội cần thiết thì giá trị thị trường của hàng hóa càng lớn.→ SAI.

2. Lao động trừu tượng và lao động cụ thể là tính hai mặt của tất cả các loại lao động.

→ SAI. Chỉ có lao động của người sản xuất hàng hóa mới có tính chất hai mặt là lao động cụ thể và lao động trừu tượng.

3. Khi cường độ lao động và thời gian lao động đều tăng và các nhân tố khác không đổi thì giá trị của một đơn vị hàng hóa không đổi.

→ Khi cường độ lao động tăng thì lượng lao động hao phí trong cùng một thời gian tăng -> giá trị của đơn vị hàng hóa không đổi

Tăng cường độ lao động sẽ làm tăng mức hao phí lao động của người sản xuất trong một thời gian. Xét về mặt này, tăng cường độ lao động cũng giống như việc kéo dài thời gian lao động. Do đó, kéo dài thời gian lao động cũng có tác động tới giá trị giống như tăng cường độ lao động.

Khi cường độ lao động và thời gian lao động đều tăng và các nhân tố khác không đổi thì giá trị của một đơn vị hàng hóa không đổi.

4. Sức lao động là hàng hóa đặc biệt vì khi sử dụng nó tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị của hàng hóa.

→ SAI. Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động có tính năng đặc biệt là khi sử dụng nó, không những giá trị của nó được bảo tồn mà còn tạo ra được lượng giá trị lớn hơn. Phần lớn hơn giá trị của bản thân sức lao động chính là giá trị thặng dư. Đây chính là chìa khóa chỉ rõ nguồn gốc của giá trị thặng dư chính là do hao phí sức lao động của người bán sức lao động (người làm thuê) tạo ra.

5. Trong quá trình sản xuất, người lao động làm thuê chỉ tạo ra giá trị thặng dư cho người mua và sử dụng sức lao động đó.

6. Tư bản sản xuất là các loại tư bản được tiêu dùng hoàn toàn trong một chu kỳ sản xuất.

7. Khi tổng giá cả hàng hóa bán chịu tăng lên một lượng bằng với số lượng tổng giá cả hàng hóa đến kỳ thanh toán giảm xuống thì khối lượng tiền cần thiết cho lưu thông giảm xuống.

→ ĐÚNG. Tổng số tiền cần thiết cho lưu thông = (Tổng số giá cả hh - Tổng số giá cả hh bán chịu - tổng số giá cả hh khấu trừ cho nhau + Tổng số giá cả hh bán chịu đến kỳ thanh toán) / Số vòng lưu thông của đơn vị tiền tệ

8. Khi tỷ lệ của tư bản bất biến trong tổng số tư bản tăng lên thì có thể làm gia tăng tỷ lệ thất nghiệp. SAI.

9. Trong quá trình vận động tuần hoàn, tư bản chỉ thực hiện chức năng duy nhất là sản xuất ra giá trị thặng dư.→

10. Không phải phương pháp sản xuất giá trị thặng dư nào cũng đều dựa trên cơ sở giảm giá trị sức lao động.

→ ĐÚNG. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối không dựa trên cơ sở giảm giá trị sức lao động.

Giá trị thặng dư tuyệt đối là giá trị thặng dư thu được do kéo dài ngày lao động vượt quá thời gian lao động tất yếu, trong khi năng suất lao động, giá trị sức lao động và thời gian lao động tất yếu không thay đổi.

ĐỀ THI 2

1. Giá trị hàng hóa là số tiền mua bán hàng hóa đó

→ SAI. Giá trị của hàng hóa là lao động xã hội của người sản xuất ra hàng hóa kết tinh trong hàng hóa ấy. Giá trị hàng hóa biểu hiện mối quan hệ kinh tế giữa những người sản xuất, trao đổi hàng hóa và là phạm trù lịch sử. Giá trị không thể tự biểu hiện ra mà biểu hiện thông qua giá trị trao đổi. Giá trị trao đổi là hình thức biểu hiện ra bên ngoài của giá trị; giá trị là nội dung, là cơ sở của trao đổi.

2. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa là chi phí về lao động quá khứ và lao động sống để sản xuất ra hàng hóa đó

3. Thị trường là nơi thực hiện giá trị trao đổi của hàng hóa

→ SAI. Thị trường là nơi thực hiện giá trị của hàng hóa. Giá trị là lao động xã hội kết tinh trong hàng hóa, nằm trong hàng hóa. Do vậy, muốn thu được giá trị đó, hàng hóa phải bán được. Người sản xuất chỉ có thể thực hiện được giá trị của hàng hóa, dịch vụ thông qua thị trường. Vì vậy, thị trường là nơi thực hiện các hành vi trao đổi hàng hóa, thực hiện giá trị hàng hóa và thực hiện cân bằng cung cầu từng loại hàng hóa.

4. Tiền giấy là tiền không thực hiện đầy đủ các chức năng của tiền tệ

→ ĐÚNG. Tiền giấy chỉ là ký hiệu giá trị, bản thân chúng không có giá trị thực. Chúng chỉ có thể thực hiện được chức năng lưu thông và thanh toán trong phạm vi một quốc gia.

Để thực hiện chức năng thước đo giá trị, đo lường giá trị của các hàng hóa, tiền cũng phải có giá trị, tiền được sử dụng là tiền vàng.

Khi thực hiện chức năng cất trữ, tiền được rút ra khỏi lưu thông, đi vào cất trữ dưới hình thái vàng, bạc và sẵn sàng tham gia lưu thông khi cần thiết.

Để thực hiện chức năng tiền tệ thế giới, tiền phải có đủ giá trị, phải là tiền vàng hoặc những đồng tiền được công nhận là phương tiện thanh toán quốc tế như USD, Euro.

5. Lao động trong mọi xã hội đều có tính hai mặt là lễ trừu tượng và lao động cụ thể

→ SAI. Chỉ có lao động của người sản xuất hàng hóa mới có tính chất hai mặt là lao động cụ thể và lao động trừu tượng.

6. Trong quá trình tuần hoàn, tư bản luôn tồn tại dưới hình thức tư bản tiền tệ

→ SAI. Trong một chu kỳ vận động tuần hoàn, tư bản lần lượt vận động qua 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: T – H tư bản tiền tệ tồn tại dưới hình thức tư bản tiền tệ, thực hiện chức năng mua các yếu tố sản xuất.

• Giai đoạn 2: ...SX... tư bản t ần tại dưới hình thức tư bản sản xuất, thực hiện chức năng sản xuất ra giá trị thặng dư.

• Giai đoạn 3: H' - T': tư bản t ần tại dưới hình thức tư bản hàng hóa, thực hiện chức năng thực hiện giá trị thặng dư, tức là bán hàng hóa để thu lại t ần.

7. Các bộ phận của tư bản lưu động có đặc điểm biến đổi v ề mặt giá trị là giống nhau

8. Lợi tức cổ phiếu và lợi tức trái phiếu đều phụ thuộc vào tình hình kinh doanh của cty

→ SAI. Trái phiếu là loại chứng khoán xác nhận quy ền, lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với 1 phần vốn nợ của tổ chức phát sinh. Người sở hữu trái phiếu được trả một tỷ lệ suất nhất định và không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty.

Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quy ền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với 1 phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Khác với trái phiếu, người sở hữu cổ phiếu có thể được hưởng cổ tức được chia không cố định và phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty.

9. Giá trị thặng dư siêu ngạch được sản xuất ra dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động xh

→ SAI. Giá trị thặng dư siêu ngạch là giá trị thặng dư thu được do tăng năng suất lao động cá biệt trong các doanh nghiệp, làm cho giá trị cá biệt của hàng hóa thấp hơn giá trị xã hội của hàng hóa đó.

10. Cấu tạo hữu cơ của tư bản có xu hướng ngày càng tăng, vì vậy tỉ lệ thất nghiệp có xu hướng ngày càng tăng.

→ ĐÚNG. Cấu tạo hữu cơ phụ thuộc vào cấu tạo kỹ thuật. Tiến bộ kỹ thuật không ngừng tăng lên làm cho cấu tạo kỹ thuật cũng luôn biến đổi, vì vậy mà cấu tạo hữu cơ cũng luôn thay đổi theo chỉ hướng tăng lên. Sự tăng lên của cấu tạo hữu cơ làm cho bộ phận tư bản bất biến tăng cả tuyệt đối và tương đối, còn bộ phận tư bản khả biến sẽ giảm tương đối. Sự giảm xuống một cách tương đối của tư bản khả biến cũng sẽ làm cho c ần v ề sức lao động giảm một cách tương đối. Vì vậy, một số công nhân lâm vào tình trạng thất nghiệp.

Chương 6

1. Công nghiệp hóa là quy luật phổ biến để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các nước đi lên CNXH

-> Đúng. Công nghiệp hóa là quy luật phổ biến của sự phát triển lực lượng sản xuất xã hội mà mọi quốc gia đều trải qua dù ở các quốc gia phát triển sớm hay các quốc gia đi sau.

2. Kinh tế tri thức được coi là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay

-> Đúng. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay phải gắn liền với phát triển kinh tế tri thức.

Qua thực tế phát triển, có thể khái quát những đặc điểm chủ yếu của kinh tế tri thức như sau:

- Trong nền kinh tế tri thức, tri thức trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, là vốn quý nhất, là nguồn lực quan trọng hàng đầu, quyết định sự tăng trưởng và phát triển kinh tế.

- Trong nền kinh tế tri thức, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động kinh tế có những biến đổi sâu sắc, nhanh chóng; trong đó các ngành kinh tế dựa vào tri thức ngày càng tăng và chiếm đa số.

- Trong nền kinh tế tri thức, công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực và thiết lập được các mạng thông tin đa phương tiện phủ khắp nước, nối với hầu hết các tổ chức, các gia đình. Thông tin trở thành tài nguyên quan trọng nhất của nền kinh tế.

- Trong nền kinh tế tri thức, nguồn nhân lực nhanh chóng được tri thức hoá; sự sáng tạo, đổi mới, học tập trở thành yêu cầu thường xuyên đối với mọi người và phát triển con người trở thành nhiệm vụ trung tâm của xã hội.

- Trong nền kinh tế tri thức, mọi hoạt động đều có liên quan đến vấn đề toàn cầu hoá kinh tế, có tác động tích cực hoặc tiêu cực sâu rộng tới nhiều mặt của đời sống xã hội trong mỗi quốc gia và trên toàn thế giới.

- Những đặc điểm trên đòi hỏi trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta, nhất thiết phải tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu công nghệ hiện đại và tri thức mới; công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải gắn với kinh tế tri thức.

3. Nội dung của công nghiệp hóa hiện đại hóa trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta là: phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và bảo vệ quốc phòng, an ninh
-> Sai.

Phát triển lực lượng sản xuất dựa trên cơ sở những thành tựu khoa học, công nghệ mới, hiện đại

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý và hiệu quả

Tăng cường và củng cố quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

4. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng XHCN là nền kinh tế nhiều thành phần, các thành phần kinh tế đều bình đẳng và có vai trò như nhau trong nền sản xuất xã hội.

-> Sai. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng, kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển một nền kinh tế độc lập tự chủ.

5. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư được phát triển ở ba lĩnh vực chính là vật lý, công nghệ thông tin và năng lượng.

-> Sai. Ba lĩnh vực chính là vật lý, công nghệ số và sinh học.

Chương 4

1. Trong CNTB độc quyền, do sự thống trị của các tổ chức độc quyền nên chỉ tồn tại cạnh tranh trong nội bộ các tổ chức độc quyền

-> Sai.

2. Quy luật Giá cả sx là biểu hiện của quy luật giá trị trong giai đoạn CNTBDQ

-> Sai. Quy luật giá cả độc quyền là biểu hiện của quy luật giá trị trong giai đoạn CNTBDQ

3. Quy luật lợi nhuận bình quân là biểu hiện của quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn CNTBDQ

-> Sai. Quy luật lợi nhuận độc quyền là hình thức biểu hiện hoạt động cụ thể của quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn CNTBDQ.

4. Sự hình thành hệ thống thuộc địa là kết quả của quá trình phân chia thế giới về kinh tế giữa các tổ chức độc quyền của các nước

->

5. Cartel là hình thức độc quyền mà các thành viên tham gia bị mất hết độc lập trong cả SX và lưu thông

-> Sai. Cartel (Các ten) là hình thức tổ chức độc quyền trong đó các xí nghiệp tư bản lớn ký các hiệp nghị thỏa thuận với nhau về giá cả, sản lượng hàng hóa, thị trường tiêu thụ, kỳ hạn thanh toán, ... Các xí nghiệp tư bản tham gia Cartel vẫn độc lập cả về sản xuất và lưu thông hàng hóa.

6. Trong CNTBDQ mặc dù có sự ĐQ về giá cả nhưng quy luật giá trị vẫn hoạt động dưới hình thức quy luật giá cả SX

->

7. Trong CNTBDQ do có sự độc quyền về giá cả nên quy luật giá trị không còn hoạt động nữa.

->

8. Xuất khẩu TB là xuất khẩu hàng hóa ra thị trường nước ngoài để thực hiện giá trị thặng dư

-> Sai. Xuất khẩu tư bản là xuất khẩu giá trị ra nước ngoài (đầu tư tư bản ra nước ngoài) nhằm mục

đích chiếm đoạt giá trị thặng dư và các nguồn lợi nhuận khác ở các nước nhập khẩu tư bản.

9. Lợi nhuận độc quyền là lợi nhuận mà các nhà tư bản độc quyền thu được cao hơn so với lợi nhuận bình quân

-> Sai. Lợi nhuận độc quyền là lợi nhuận mà các tổ chức độc quyền thu được cao hơn lợi nhuận bình quân

1. Lao động trong mọi xã hội đầu có tính hai mặt là lao động cụ thể và lao động trừu tượng.

-> SAI. Chỉ có lao động của người sản xuất hàng hóa mới có tính chất hai mặt là lao động cụ thể và lao động trừu tượng.

2. Giá trị hàng hóa là số tiền mua bán hàng hóa đó

-> SAI. Giá trị của hàng hóa là lao động xã hội của người sản xuất ra hàng hóa kết tinh trong hàng hóa ấy.

Giá trị hàng hóa biểu hiện mối quan hệ kinh tế giữa những người sản xuất, trao đổi hàng hóa và là phạm trù lịch sử.

3. Quá trình sản xuất ra hàng hóa hữu hình và dịch vụ đầu tuân theo trật tự sản xuất trước, tiêu dùng sau.

-> SAI. Quá trình sản xuất và tiêu dùng dịch vụ được diễn ra đồng thời

4. Giá trị thặng dư là do người lao động tạo ra vì vậy tư liệu sản xuất không có vai trò gì trong quá trình này.

-> SAI. Tư bản bất biến là bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái tư liệu sản xuất. Tư bản bất biến không tạo ra giá trị thặng dư nhưng là điều kiện cần thiết để cho quá trình tạo ra giá trị thặng dư được diễn ra. Máy móc dù hiện đại, dù được tự động hóa thì vai trò của nó, chỉ là là điều kiện để cho quá trình làm tăng giá trị được diễn ra. Không có máy móc, không có quá trình tổ chức kinh doanh thì đương nhiên không có quá trình sản xuất giá trị thặng dư.

5. Mọi tỉ lệ tệ đầu là tư bản nếu chúng vận động theo công thức lưu thông hàng hóa.

-> SAI. Mọi tỉ lệ tệ đầu là tư bản nếu chúng vận động theo công thức chung của tư bản là $T - H - T'$.

6. Quy luật lưu thông tỉ lệ tệ là quy luật chỉ tác động trong chủ nghĩa tư bản.

-> SAI. Quy luật lưu thông tỉ lệ tệ là quy luật quy định số lượng tiền cần cho lưu thông hàng hóa ở mỗi thời kỳ nhất định. Do đó, quy luật này còn tác động trong các thời kỳ khác nữa không chỉ ở thời kỳ chủ nghĩa tư bản

7. Chu chuyển của tư bản là sự vận động liên tục của tư bản từ chu kỳ này sang chu kỳ khác.

-> SAI. Chu chuyển tư bản là tuần hoàn tư bản được xét là quá trình định kỳ, thường xuyên lặp đi lặp lại và đổi mới theo thời gian.

8. Tư bản lưu động bao gồm tất cả tư liệu sản xuất và tiền lương được sử dụng trong sản xuất kinh doanh.

-> SAI. Tư bản lưu động là một bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới hình thái sức lao động, nguyên nhiên vật liệu, vật liệu phụ, giá trị của nó được chuyển một lần, toàn phần vào giá trị sản phẩm khi kết thúc từng quá trình sản xuất.

9. Giá trị thặng dư siêu ngạch được sản xuất ra dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động xã hội

-> SAI. Giá trị thặng dư siêu ngạch là giá trị thặng dư thu được do tăng năng suất lao động cá biệt trong các doanh nghiệp, làm cho giá trị cá biệt của hàng hóa thấp hơn giá trị xã hội của hàng hóa đó.

10. Tốc độ chu chuyển của tư bản tỷ lệ nghịch với thời gian chu chuyển tư bản đó.

-> ĐÚNG. Ta có công thức tính tốc độ chu chuyển của tư bản như sau:

Trong đó: n: Số lần chu chuyển của tư bản trong 1 năm.

CH: Thời gian của một năm.

ch: Thời gian chu chuyển của một tư bản nhất định

Tốc độ chu chuyển của tư bản tỉ lệ nghịch với thời gian chu chuyển của tư bản. Muốn tăng tốc độ chu chuyển của tư bản phải giảm thời gian sản xuất và thời gian lưu thông của nó.